

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÒN

TỔ LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 6

(Từ ngày 09/10/2023 đến ngày 14/10/2023)

TUẦN 6: PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

TIẾT 16

A. LÝ THUYẾT: Đã học ở tiết 12, tuần 4

B. VÍ DỤ:

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất:

Câu 1. Muốn xác định phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào?

- A. các đường kinh, vĩ tuyến. B. bảng chú giải, tỉ lệ bản đồ.
C. mép bên trái tờ bản đồ. D. các mũi tên chỉ hướng.

Câu 2. Theo quy ước đầu phía dưới của kinh tuyến gốc chỉ hướng nào sau đây?

- A. Tây. B. Đông. C. Bắc. D. Nam.

Câu 3. Mẫu số càng nhỏ thì tỉ lệ bản đồ càng?

- A. rất nhỏ B. nhỏ. C. trung bình. D. lớn.

Câu 4. Tỉ lệ bản đồ chỉ rõ?

- A. mức độ thu nhỏ khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực địa.
B. độ chính xác về vị trí các đối tượng trên bản đồ so với thực địa.
C. khoảng cách thu nhỏ nhiều hay ít các đối tượng trên quả Địa cầu.
D. độ lớn của các đối tượng trên bản đồ so với ngoài thực địa.

Câu 5. Bản đồ nào sau đây là bản đồ có tỉ lệ nhỏ?

- A. 1: 100.000 B. 1: 500.000. C. 1: 1.000.000 D. 1: 10.000.

Câu 6: Quan sát hình 3.4, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau để đo tính khoảng cách và tìm đường đi trên bản đồ:

1. Cho biết với tỉ lệ 1:10 000 thì 1 cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu m trên thực địa?

.....
.....
.....
.....

2. Sử dụng tỉ lệ số hoặc tỉ lệ thước để đo và tính khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay giữa các địa điểm sau (đơn vị: m):

- Khoảng cách từ Bảo tàng Chứng tích chiến tranh đến Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

.....
.....
.....

- Chiều dài đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ ngã tư với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư với đường Lý Tự Trọng.

.....
.....
.....

Câu 7: Hãy tính khoảng cách trên bản đồ và trên thực tế của các tờ bản đồ có tỉ lệ trong bảng sau:

Tỉ lệ	Số cm trên bản đồ	Số Km trên thực tế
1: 15 000		
1: 7 500		
1: 6 000 000		

D. DẶN DÒ

- Học thuộc lòng lí thuyết bài 3
- Làm phần bài tập luyện tập vận dụng
- Đọc trước nội dung bài 4: LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

TIẾT 17

BÀI 4: LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

A. LÝ THUYẾT:

I. LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

- Lược đồ trí nhớ là những thông tin không gian về thế giới được giữ lại trong trí óc con người. Lược đồ trí nhớ được đặc trưng bởi sự đánh dấu các địa điểm mà một người từng gặp, từng đến, ...

- Lược đồ trí nhớ của một người phản ánh sự cảm nhận của người đó về không gian sống và ý nghĩa của không gian ấy đối với cá nhân

II. PHÁC THẢO LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

- Các điểm cần xác định để vẽ được biểu đồ trí nhớ: điểm đầu, điểm kết thúc, hướng đi, các điểm mốc ...

- Hình dung: Nhớ lại và suy nghĩ về nơi mà em sẽ vẽ lược đồ.

- Sắp xếp không gian.

- Vị trí bắt đầu.

- Gồm: lược đồ trí nhớ đường đi và lược đồ một khu vực

B. VÍ DỤ:

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Câu 2: Hãy tưởng tượng và vẽ lại lược đồ trí nhớ từ nhà em đến trường

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

D. DẶN DÒ

- Học thuộc lòng lí thuyết bài 4

- Làm phần bài tập luyện tập vận dụng

- Đọc trước nội dung bài 5: VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI. HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

TIẾT 18

BÀI 5: VỊ TRÍ CỦA TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI. HÌNH DÁNG, KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

A. LÝ THUYẾT:

I. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời

- Trong hệ Mặt Trời có Mặt Trời ở trung tâm và tám hành tinh chuyển động xung quanh.
- Trái Đất là một trong số các hành tinh của hệ Mặt Trời.
- Trái Đất nằm ở vị trí ba theo thứ tự xa dần Mặt trời.

II. Hình dạng và kích thước của Trái Đất

- Trái Đất có dạng hình cầu.
- Kích thước của Trái Đất: rất lớn.

B. VÍ DỤ:

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Câu 1. Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời và bao nhiêu hành tinh khác nhau?

- A. 8.
- B. 9.
- C. 7.
- D. 6.

Câu 2. Trái Đất có dạng hình gì?

- A. Hình tròn.
- B. Hình vuông.
- C. Hình cầu.
- D. Hình bầu dục.

Câu 3. Vị trí thứ 4 trong Hệ Mặt Trời là hành tinh nào dưới đây?

- A. Trái Đất.
- B. Sao Mộc.
- C. Sao Hỏa.
- D. Sao Thổ.

Câu 4. Trong hệ Mặt Trời, Trái Đất ở vị trí nào theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

- A. Vị trí thứ 3.
- B. Vị trí thứ 5.
- C. Vị trí thứ 9.
- D. Vị trí thứ 7.

Câu 5. Trái Đất có bán kính ở cực là

- A. 6387 km.
- B. 6356 km.
- C. 6378 km.
- D. 6365 km.

Câu 6. Các hành tinh trong hệ Mặt Trời được sắp xếp như thế nào trong hệ Mặt Trời từ gần đến xa?

- A. Hải Vương - Sao Thủy - Sao Kim - Trái Đất - Sao Hỏa - Sao Mộc - Sao Thổ - Thiên Vương.
- B. Thiên Vương - Hải Vương - Trái Đất - Sao Kim - Sao Thủy - Sao Hỏa - Sao Mộc - Sao Thổ.
- C. Sao Mộc - Sao Kim - Trái Đất - Sao Hỏa - Sao Thủy - Sao Thổ - Thiên Vương - Hải Vương.
- D. Sao Thủy - Sao Kim - Trái Đất - Sao Hỏa - Sao Mộc - Sao Thổ - Thiên Vương - Hải Vương.

Câu 7. Mặt Trời và 8 hành tinh chuyển động xung quanh nó còn được gọi là

- A. Thiên hà.
- B. Hệ Mặt Trời.
- C. Trái Đất.
- D. Dải ngân hà.

Câu 8. Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời ta sẽ có

- A. Thủy Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh.
- B. Kim Tinh, Trái Đất, Thủy Tinh, Hoả Tinh.
- C. Kim Tinh, Thủy Tinh, Hoả Tinh, Trái Đất.
- D. Kim Tinh, Thủy Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh.

Câu 9. Trái Đất có bán kính ở Xích đạo là

- A. 6387 km.
- B. 6356 km.
- C. 6378 km.
- D. 6365 km.

Câu 10. Hành tinh đứng đầu tiên trong Hệ Mặt Trời là

- A. Sao Kim.
- B. Sao Thủy.
- C. Trái Đất.
- D. Sao Hỏa.

Câu 11. Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách gần dần Mặt Trời ta sẽ có

- A. Hỏa Tinh, Trái Đất, Thủy Tinh, Hoả Tinh.
- B. Hỏa Tinh, Trái Đất, Kim Tinh, Thủy Tinh.
- C. Thủy Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh.
- D. Hỏa Tinh, Thủy Tinh, Hoả Tinh, Trái Đất.

Câu 12. Trái Đất có dạng hình cầu nên xuất hiện hiện tượng nào dưới đây?

- A. Luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng và một nửa không được chiếu sáng.
- B. Bất kì thời điểm nào trong ngày cũng nhận được Mặt Trời chiếu sáng suốt 24h.
- C. Trên Trái Đất khu vực nào cũng có 4 mùa điển hình với ngày đêm dài bằng nhau.
- D. Trái Đất thực hiện nhiều chuyển động trong một năm nên gây ra nhiều thiên tai.

D. DẶN DÒ

- Học thuộc lòng lí thuyết bài 5
- Làm phần bài tập luyện tập vận dụng
- Đọc trước nội dung bài 7, bài 8 phân môn Lịch sử

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: LÊ THANH TUYỀN

- SĐT: 0981979190